

BIÊN BẢN

Niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách xã Khôi Kỳ năm 2023

Hôm nay, hồi 09 giờ 30 phút ngày 12 tháng 6 năm 2024, tại UBND xã Khôi Kỳ

Thành phần gồm có:

- | | |
|-------------------------|-------------------------------|
| 1. Ông: Dương Văn Tuấn | - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã |
| 2. Bà: Hồ Thị Thu Hương | - Chức vụ: Công chức TC-KT xã |
| 3. Bà: Ngô Thị Lành | - Chức vụ: Công chức VP - TK |

Có sự chứng kiến của:

- | | |
|------------------------|----------------------------------|
| 1. Ông : Lê Kim Huân | - CT UBMTTQ xã |
| 2. Bà: Nguyễn Thị Hiền | - CT HPN xã - Chủ tịch công đoàn |

***/ Nội dung:** Thống nhất niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách xã Khôi Kỳ năm 2023 với nội dung sau:

- Nội dung niêm yết: niêm yết công khai quyết toán thu chi ngân sách xã Khôi Kỳ năm 2023 (có quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của UBND xã Khôi Kỳ kèm theo)

- Thời gian niêm yết bắt đầu kể từ ngày: 12/6/2024 đến hết ngày 11/07/2024

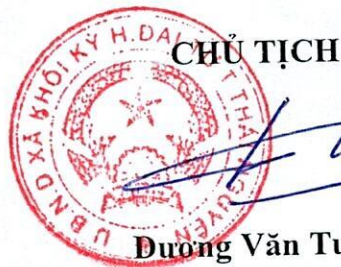
- Hình thức niêm yết: Dán niêm yết tại trụ sở UBND xã Khôi Kỳ, trường xóm các xóm, Công khai trên cụm loa truyền thanh, trang thông tin điện tử

Biên bản lập xong hồi 10 giờ cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua./.

Người ghi biên bản



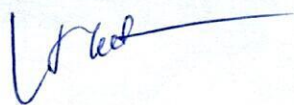
Ngô Thị Lành



Dương Văn Tuấn

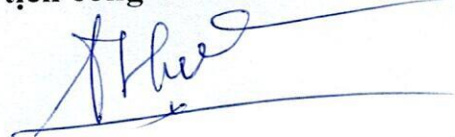
THÀNH PHẦN THAM GIA CHỨNG KIẾN

Chủ tịch MTTQ xã



Lê Kim Huân

Chủ tịch công đoàn



Nguyễn Thị Hiền

Số: 105/QĐ-UBND

Khôi Kỳ, ngày 12 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc: Công khai quyết toán thu chi ngân sách nhà nước xã Khôi Kỳ năm 2023
đã được HĐND xã phê chuẩn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ KHÔI KỲ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách;

Thực hiện Nghị quyết số: 49/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 của HĐND xã Khôi Kỳ khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2025 thông qua tại kỳ họp chuyên đề lần thứ 4 về việc phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách xã Khôi Kỳ năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu quyết toán thu chi ngân sách nhà nước xã Khôi Kỳ năm 2023 đã được HĐND xã phê chuẩn. (Theo các biểu chi tiết đính kèm).

(Thời gian niêm yết từ ngày 12/6/2024)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Điều 3. Công chức Văn phòng-Thông kê, Tài chính-Kế toán, Văn hóa-Thông tin UBND xã Khôi Kỳ chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC Huyện Đại Từ;
- Đảng ủy, HĐND (b/c)
- UBMTTQ, các đoàn thể;
- Các đại biểu HĐND;
- Trưởng xóm;
- Lưu VP UBND.

CHỦ TỊCH



Đương Văn Tuấn

CÔNG KHAI THUYẾT MINH

Quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2023 đã được HĐND xã phê chuẩn

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Thực hiện Thông tư số: 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp Ngân sách;

Thực hiện Nghị quyết số: 49/NQ-HĐND ngày 15/5/2024 của HĐND xã Khôi Kỳ khóa XX, nhiệm kỳ 2021-2025 thông qua tại kỳ họp chuyên đề lần thứ 4 về việc phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách xã Khôi Kỳ năm 2023,

UBND xã Khôi Kỳ thuyết minh quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2023 đã được HĐND xã phê chuẩn như sau:

A. QUYẾT TOÁN THU CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

I. Tổng thu ngân sách xã: 16.551.386.487 đ bằng 253,81 % kế hoạch giao.

Trong đó:

1. Thu cân đối là: 352.406.620 đ đạt 122,36 % kế hoạch
2. Thu kết dư ngân sách: 36.974.997 đ
3. Thu bổ sung ngân sách cấp trên: 15.298.513.160 đ đạt 252,47% KH
5. Thu chuyển nguồn: 863.491.710 đ đạt 497,80% KH

II. Tổng chi ngân sách xã: 16.543.324.704 đ bằng 253,69 % dự toán

Trong đó:

1. Chi đầu tư phát triển: 9.091.089.057 đ, trong đó:
Chi chuyển nguồn ĐTPT: 4.850.944.897 đ
2. Chi thường xuyên: 7.452.235.647 đ đạt 114,28 % dự toán chi, trong đó chi chuyển nguồn: 44.371.505 đ

III. Kết dư ngân sách xã: 8.061.783 đ

B. THUYẾT MINH QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2023

I. Tổng thu ngân sách xã: 16.551.386.487 đ bằng 253,81% kế hoạch giao

* **Thu cân đối từ thuế và phí kế hoạch giao: 288.000.000 đồng. Thực hiện: 352.406.620 đồng đạt 122,36 % KH năm cụ thể:**

+ Lệ phí chứng thư KH giao: 55.500.000 đồng, thực hiện: 51.118.000 đồng đạt 92,10% kế hoạch.

+ Thu phạt, tịch thu khác KH giao: 25.000.000 đồng, thực hiện: 7.503.500 đồng, đạt 30,01% kế hoạch giao.

+ Thu khác: 7.642.357 đồng

+ Lệ phí môn bài kế hoạch giao: 11.500.000 đồng, thực hiện: 12.000.000 đồng đạt 135,29 % kế hoạch.

+ Lệ phí trước bạ nhà, đất kế hoạch giao: 50.000.000 đồng, thực hiện: 85.897.523 đồng đạt 83,37 % kế hoạch giao

+ Thuế GTGT kế hoạch giao: 107.000.000 đồng, thực hiện: 127.486.161 đồng đạt 119,15 % kế hoạch giao.

* **Thu trợ cấp từ ngân sách cấp trên thực hiện: 15.298.513.160 đ** đạt 252,47 % kế hoạch, bổ sung tăng trong năm: **9.238.926.160** chi tiết các khoản bổ sung tăng trong năm gồm:

Nội dung	Số tiền (đồng)
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023 (gói 1)	106.240.680
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023 (Gói 2)	48.852.720
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2022 (Gói 3)	37.144.800
Đường GTNT xã Khôi Kỳ (Gói 4) Hạng mục: Đường BTXM xóm Bãi Pháo	65.751.000
Đường GTNT xã Khôi Kỳ (Gói 5) Hạng mục: Đường BTXM xóm Đồng Mè	204.135.000
Đường GTNT xã Khôi Kỳ (Gói 6) Hạng mục: Đường BTXM xóm Gò Chòi	146.289.000
Đường GTNT xã Khôi Kỳ (Gói 7) Hạng mục: Đường BTXM xóm Sơn Mè	41.850.000
Đường GTNT xã Khôi Kỳ (Gói 8) Hạng mục: Đường BTXM xóm Đức Long	72.865.500
Đường GTNT xã Khôi Kỳ (Gói 9) Hạng mục: Đường BTXM xóm Chùa	154.380.000
Mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (Đoạn từ ngã tư UBND xã Khôi Kỳ đến ngã ba xóm Bãi Pháo xã Khôi Kỳ)	3.000.000.000
Nâng cấp, mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (Đoạn từ ĐT 263B đến ngã tư trụ sở UBND xã Khôi Kỳ)	2.000.000.000
Mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (đoạn từ UBND xã đi nhà văn hóa xóm Gò Miêu) giai đoạn 2	1.117.601.800
Trung tâm văn hóa thể thao xã Khôi Kỳ, hạng mục: Cổng, hàng rào, rãnh thoát nước, bục sân khấu, nhà vệ sinh	1.456.753.660
Chi điều chỉnh quy hoạch chung xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	38.000.000
Chi PC BCH Đảng bộ xã thực hiện Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023	8.928.000
Chi mua sắm 01 máy scan tự động phục vụ đề án 06 và cải cách hành chính	8.000.000

Chi thực hiện chi diễn tập chiến đấu xã trong khu vực phòng thủ năm 2023	50.000.000
Chi thực hiện chi công tác thống kê đất đai	10.440.000
Chi thực hiện hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán- Dự án 1 CT MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào Dân tộc thiểu số và miền núi năm 2023	2.000.000
Chi thanh toán mua XM hỗ trợ XD phụ trợ nhà văn hóa xóm	6.375.600
Chi thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia năm 2023	77.500.000
Chi lương, PC theo lương tăng thêm thực hiện NĐ số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 và điều chỉnh lương hưu và trợ cấp hàng tháng	320.000.000
Chi trợ cấp 1 lần đối với công an viên	44.818.400
Chi hỗ trợ phát triển cộng đồng xã Khôi Kỳ	221.000.000
Tổng cộng	9.238.926.160

Thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 thực hiện **863.491.710** đồng:

Nội dung	Số tiền (đồng)
Chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2022 không chi hết chuyển sang năm 2023 để chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	197.838.710
Chuyển nguồn chi thực hiện chế độ đặc thù theo NQ số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021 của Chính phủ (công tác phòng chống dịch bệnh Covid - 19 năm 2022)	98.300.000
Chuyển nguồn chi trả chế độ tăng thêm theo Nghị định số 108/2021/NĐ-CP	25.553.000
Chuyển nguồn tăng thu ngân sách chi đầu tư xây dựng cơ bản: Công trình: Mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (Đoạn từ UBND xã đi nhà văn hóa xóm Gò Miều) giai đoạn 2	541.800.000
Cộng	863.491.710

*** Đánh giá chung về thu ngân sách xã năm 2023:** Công tác thu ngân sách được triển khai đồng bộ, quyết liệt, khai thác triệt để các nguồn thu nhằm đảm bảo nhu cầu chi ngân sách theo yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trong năm UBND xã đã cố gắng phấn đấu thực hiện tốt chỉ tiêu thu ngân sách trên địa bàn và đạt được những kết quả nhất định, đáp ứng phần nào nhiệm vụ chi ngân sách của địa phương, hầu hết các khoản thu cân đối trên địa bàn đều đạt và vượt so với kế hoạch. UBND xã lập phương án điều hành số tăng thu ngân sách năm 2023 báo cáo Đảng ủy - Thường trực Hội đồng nhân dân về điều hành số tăng thu theo đúng Luật ngân sách dành chi cho đầu tư xây dựng cơ bản.

II. Tổng chi ngân sách: 16.543.324.704 đồng đạt 253,69 % dự toán chi**1. Chi đầu tư phát triển: 9.091.089.057 đồng. Trong đó:****a. Chi đầu tư phát triển: 4.240.144.160 đồng**

Tên công trình được thanh toán	Số tiền (đồng)
Mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (đoạn từ UBND xã đi nhà văn hóa xóm Gò Miều) giai đoạn 2	1.659.401.800
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2022 (gói 3), Hạng mục: Đường BTXM xóm Hòa Bình, Sơn Mè, Chùa, Gò Lá, Đức Long, La Phác, Phú Nghĩa, Đồng Hoan, Gò Vai, Gò Thang	37.144.800
Mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (Đoạn từ ngã tư UBND xã Khôi Kỳ đến ngã ba xóm Bãi Pháo xã Khôi Kỳ)	214.280.000
Điều chỉnh quy hoạch chung xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	38.000.000
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 1), Hạng mục: Đường BTXM xóm Hòa Bình, Đồng Mè, Bãi Chè, Gò Lá	106.240.680
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 2), Hạng mục: Đường BTXM Xóm Bãi Pháo, Đồng Mè, Gò Gia, Gò Thang	48.852.720
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 7), Hạng mục: Đường BTXM xóm Sơn Mè	41.850.000
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 6), Hạng mục: Đường BTXM Gò Chòi	146.289.000
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 5), Hạng mục: Đường BTXM Xóm Đồng Mè	204.135.000
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 4), Hạng mục: Đường BTXM xóm Bãi Pháo	65.751.000
Nâng cấp, mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (Đoạn từ ĐT 263B đến ngã tư đi trụ sở UBND xã Khôi Kỳ)	148.580.000
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 8), Hạng mục: Đường BTXM xóm Đức Long	72.865.500
Trung tâm văn hóa thể thao xã Khôi Kỳ, Hạng mục: Cổng, hàng rào, rãnh thoát nước, bục sân khấu, nhà vệ sinh	1.456.753.660
Tổng cộng	4.240.144.160

b. Chi chuyển nguồn: 4.850.944.897 đồng

Tên công trình	Số tiền (đồng)
Chuyển nguồn chi Công trình: Mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (Đoạn từ ngã tư UBND xã Khôi Kỳ đến ngã ba xóm Bãi Pháo xã Khôi Kỳ)	2.785.720.000
Chuyển nguồn chi Công trình: Nâng cấp, mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (Đoạn từ ĐT 263B đến ngã tư trụ sở UBND xã Khôi Kỳ)	1.851.420.000
Chuyển nguồn chi Công trình: Đường giao thông nông thôn xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 9); Hạng mục: Đường BTXM xóm Chùa	154.380.000
Chuyển nguồn tăng thu ngân sách chi đầu tư xây dựng cơ bản: Công trình: Mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (Đoạn từ UBND xã đi nhà văn hóa xóm Gò Miều) giai đoạn 2	59.424.897
Tổng cộng	4.850.944.897

2. Chi thường xuyên: 7.452.235.647 đồng, đạt 114,28% so với dự toán.**a. Chi thường xuyên:** Chi tiết một số khoản chi chính như sau:

- Chi công tác dân quân tự vệ (lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, chi huấn luyện,) kế hoạch: **572.528.000** đồng, TH: **732.380.959** đồng đạt 127,92%;

- Chi trật tự an toàn XH (lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) kế hoạch: **567.276.000** đồng, TH: **705.094.400** đồng đạt 124,29%;

- Chi văn hoá - thông tin dự toán: **25.500.000** đồng, thực hiện: **139.375.600** đ đạt 546,57 %;

- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền thanh: **6.000.000** đồng, thực hiện: **11.000.000** đồng đạt 183,33 %;

- Chi thể dục-thể thao dự toán: **22.500.000** đồng, thực hiện: **22.500.000** đ đạt 100,00 %;

- Chi quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể dự toán: **4.669.838.000** đồng, thực hiện: **5.269.502.583** đồng đạt 112,84 % kế hoạch, nguyên nhân tăng do thực hiện Chi lương, PC theo lương tăng thêm thực hiện NĐ số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 và điều chỉnh lương hưu và trợ cấp hàng tháng và một số nhiệm vụ chi thường xuyên khác:

+ Quản lý nhà nước (lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) dự toán: **2.715.364.000** đồng, thực hiện: **3.165.999.533** đ đạt 116,60%;

+ Chi công tác Đảng: (lương, phụ cấp, trợ cấp - BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) KH: **840.000.000** đồng thực hiện: **894.370.701** đồng đạt 106,47 % dự toán.

+ Chi công tác MTTQ: (lương, phụ cấp, trợ cấp - BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) KH: **494.000.000** đồng thực hiện: **543.842.460** đồng đạt 110,09% dự toán.

+ Chi công tác ĐTN: (lương, phụ cấp, trợ cấp - BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) KH: **100.000.000** đồng thực hiện: **83.507.746** đồng đạt 83,51% dự toán.

+ Chi hoạt động hội Phụ nữ: (lương, phụ cấp, trợ cấp - BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) KH: **120.000.000** đồng thực hiện: **143.368.522** đồng đạt 119,47 % dự toán.

+ Chi hoạt động hội Nông dân: (lương, phụ cấp, trợ cấp - BHXH, BHYT, KPCĐ, chi khác) KH: **150.000.000** đồng thực hiện: **176.679.394** đồng đạt 117,79 % dự toán.

+ Chi hoạt động hội CCB: (lương, phụ cấp, trợ cấp - KPCĐ, chi khác) KH: **110.000.000** đồng thực hiện: **113.302.127** đồng đạt 103,00 % dự toán.

- Chi công tác xã hội dự toán: **190.000.000** đồng, thực hiện: **161.181.600** đồng đạt 84,83 % kế hoạch.

b. Chi chuyển nguồn: 44.371.505 đồng

Tên khoản chi chuyển nguồn	Số tiền (đồng)
Chuyển nguồn cải cách tiền lương năm 2023 chưa sử dụng tiếp tục chuyển sang năm 2024	44.371.505

* **Đánh giá chung về chi ngân sách xã năm 2023:** Chi ngân sách đảm bảo kinh phí chi lương, phụ cấp, chi thường xuyên cho các ban ngành đoàn thể. Thực hành tiết kiệm được đề cao và tổ chức thực hiện nghiêm túc trong quản lý chi tiêu ngân sách, đảm bảo đầy đủ nguồn ngân sách chi theo dự toán được giao cũng như các khoản phát sinh theo chế độ. Kịp thời các khoản chi lương, PC theo lương tăng thêm thực hiện NĐ số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 và điều chỉnh lương hưu và trợ cấp hàng tháng; Chi phục vụ hoạt động quốc phòng an ninh như công tác diễn tập chiến đấu xã trong khu vực phòng thủ năm 2023....; Tổ chức chương trình đêm hội trăng rằm năm 2023; ĐH Hội nông dân xã Khôi Kỳ khóa IX nhiệm kỳ 2023-2028; ĐH Hội NNCD Da cam xã Khôi Kỳ khóa IV nhiệm kỳ 2023-2028 và các khoản chi phát sinh khác.

Việc triển khai các nguồn vốn ĐTXD của xã cơ bản đã đáp ứng theo kế hoạch các công trình xây dựng triển khai theo đúng trình tự thủ tục đầu tư XD, đảm bảo công khai, minh bạch, cạnh tranh trong đấu thầu, đảm bảo tiến độ thi công, chất lượng công trình XD. Công tác quản lý chất lượng công trình được tăng cường; qua thanh tra, kiểm tra đã kịp thời chấn chỉnh các hoạt động về xây dựng.

Tiến độ thanh toán, tiến độ quyết toán hoàn thành, công tác giải ngân trả nợ nguồn vốn được cấp đúng theo Luật đầu tư công, vận dụng linh hoạt các nguồn vốn ngân sách đầu tư xây dựng công trình như nguồn vốn nhân dân đóng góp, cũng như vốn hỗ trợ của huyện và sử dụng nguồn tăng thu của xã để hoàn thành thanh toán cho nhà thầu xây dựng không để nợ đọng kéo dài.

2. Phân tích số kết dư năm 2023 chuyển năm 2024:

TT	Nội dung kết dư	Số tiền (đồng)
1	Kết dư nguồn chi thường xuyên	8.061.783
	Tổng cộng	8.061.783

III. Quản lý thu chi quỹ tài chính khác

T T	Nội dung	Tồn năm 2022 chuyển sang	Thu năm 2023	Chi năm 2023	Tồn quỹ năm 2023
1	Quỹ đền ơn đáp nghĩa	7.262.800	15.800.000	17.910.000	5.152.800
2	Quỹ bảo trợ trẻ em	4.386.200	33.810.000	33.915.500	4.280.700
3	Quỹ vì người nghèo	26.507.500	15.210.000	6.760.500	34.957.000
4	Quỹ khuyến học	18.332.000	16.310.000	23.910.070	10.731.930
5	Quỹ nhân đạo	15.520.500	16.310.000	10.814.150	21.016.350
6	Quỹ CS người cao tuổi	1.274.500	26.550.000	25.600.000	2.224.500
7	Quỹ phòng, chống thiên tai	0	17.419.000	17.419.000	0
	Tổng cộng	73.283.500	141.409.000	136.329.220	78.363.280

Trên đây là công khai thuyết minh quyết toán thu chi ngân sách xã năm 2023 đã được HĐND xã phê chuẩn.

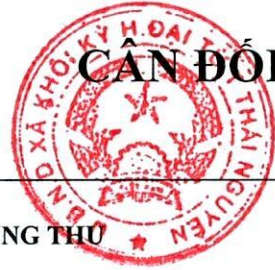
Nơi nhận:

- Phòng TC Huyện Đại Từ;
- ĐU, HĐND;
- UB MTTQ, các đoàn thể;
- Các đại biểu HĐND;
- Trưởng xóm;
- Lưu VPUBND.

CHỦ TỊCH



Dương Văn Tuấn



CÂN ĐỐI QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
Tổng số thu	16.551.386.487	Tổng số chi	16.543.324.704
I. Các khoản thu xã hưởng 100 %	100.064.946	I. Chi đầu tư phát triển	4.240.144.160
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	252.341.674	II. Chi thường xuyên	7.407.864.142
III. Thu bổ sung	15.298.513.160	III. Chi chuyển nguồn của ngân sách xã sang năm sau (nếu có)	4.895.316.402
- Bổ sung cân đối	6.059.587.000	IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên	
- Bổ sung có mục tiêu	9.238.926.160		
IV. Thu kết dư ngân sách năm trước	36.974.997		
V. Thu viện trợ			
VI. Thu chuyển nguồn từ năm trước sang của ngân sách xã (nếu có)	863.491.710		
Kết dư ngân sách	8.061.783		

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã.



QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	Tổng số thu	6.733.047.000	6.521.047.000	16.872.202.043	16.551.386.487	250,59	253,81
I	Các khoản thu 100%	80.500.000	80.500.000	104.055.197	100.064.946	129,26	124,30
1	Phí, lệ phí	55.500.000	55.500.000	84.919.089	84.919.089	153,01	153,01
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	25.000.000	25.000.000	11.493.751	7.503.500	45,98	30,01
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8	Thu khác			7.642.357	7.642.357		
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	419.500.000	207.500.000	569.166.979	252.341.674	135,68	121,61
1	Các khoản thu phân chia	100.500.000	100.500.000	124.855.513	124.855.513	124,23	124,23
1.1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			36.655.725	36.655.725		
1.2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
1.3	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	8.500.000	8.500.000	11.500.000	11.500.000	135,29	135,29
1.4	Lệ phí trước bạ nhà, đất	92.000.000	92.000.000	76.699.788	76.699.788	83,37	83,37
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	319.000.000	107.000.000	444.311.466	127.486.161	139,28	119,15
2.1	Thu tiền sử dụng đất						
2.2	Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3	Thuế tài nguyên						
2.4	Thuế giá trị gia tăng	107.000.000	107.000.000	132.798.075	127.486.161	124,11	119,15
2.5	Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6	Thuế thu nhập cá nhân	212.000.000		311.513.391		146,94	
2.7	Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	173.460.000	173.460.000	863.491.710	863.491.710	497,80	497,80

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
V	Thu kết dư ngân sách năm trước			36.974.997	36.974.997		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	6.059.587.000	6.059.587.000	15.298.513.160	15.298.513.160	252,47	252,47
1	Thu bổ sung cân đối	6.059.587.000	6.059.587.000	6.059.587.000	6.059.587.000	100,00	100,00
2	Thu bổ sung có mục tiêu			9.238.926.160	9.238.926.160		





QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT(%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7 = 4/1	8 = 5/2	9 = 6/3
	TỔNG CHI	6.521.047.000		6.521.047.000	16.543.324.704	9.091.089.057	7.452.235.647	253,69		114,28
	Trong đó:									
1	Chi giáo dục									
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ									
3	Chi y tế	101.916.000		101.916.000	112.518.000		112.518.000	110,40		110,40
4	Chi văn hóa, thông tin	25.500.000		25.500.000	139.375.600		139.375.600	546,57		546,57
5	Chi phát thanh, truyền thanh	6.000.000		6.000.000	11.000.000		11.000.000	183,33		183,33
6	Chi thể dục, thể thao	22.500.000		22.500.000	2.202.382.360	2.179.882.360	22.500.000	9.788,37		100,00
7	Chi bảo vệ môi trường	31.500.000		31.500.000						
8	Chi các hoạt động kinh tế	5.669.168.000		5.669.168.000	2.314.572.800	2.060.261.800	254.311.000	40,83		4,49
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể				5.269.502.583		5.269.502.583			
10	Chi cho công tác xã hội	330.474.000		330.474.000	161.181.600		161.181.600	48,77		48,77
11	Chi khác	173.460.000		173.460.000	1.437.475.359		1.437.475.359	828,71		828,71
12	Dự phòng, tiết kiệm chi	160.529.000		160.529.000						
13	Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau				4.895.316.402	4.850.944.897	44.371.505			

Tỉnh: Thái Nguyên
Huyện: Đại Từ
Xã: Khôi Kỳ

Biểu số 119/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2023

(Quyết toán đã được HDND xã phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2023			
		Tổng số	Tr.đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Tổng số		22.408.192.965	3.170.728.035	972.910.200	4.240.144.160	-	4.240.144.160	-
1. Công trình chuyển tiếp		6.844.424.136	1.467.381.721	972.910.200	3.191.300.260	-	3.191.300.260	-
Mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (đoạn từ UBND xã đi nhà văn hóa xóm Gò Miều) giai đoạn 2	2022-2023	2.289.565.809	0	130.000.000	1.659.401.800		1.659.401.800	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2022 (gói 3), Hạng mục: Đường BTXM xóm Hòa Bình, Sơn Mè, Chùa, Gò Lá, Đức Long, La Phác, Phú Nghĩa, Đồng Hoan, Gò Vai, Gò Thang	2022-2023	2.131.951.554	1.467.381.721	402.910.200	37.144.800		37.144.800	
Điều chỉnh quy hoạch chung xã Khôi Kỳ, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	2021-2023	427.003.080			38.000.000		38.000.000	
Trung tâm văn hóa thể thao xã Khôi Kỳ, Hạng mục: Cổng, hàng rào, rãnh thoát nước, bục sân khấu, nhà vệ sinh	2022-2023	1.995.903.693		440.000.000	1.456.753.660		1.456.753.660	

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2023			
		Tổng số	Tr.đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
2. Công trình khởi công mới		15.563.768.829	1.703.346.314	-	1.048.843.900	-	1.048.843.900	-
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 1), Hạng mục: Đường BTXM xóm Hòa Bình, Đồng Mè, Bãi Chè, Gò Lá	2023	382.717.364	252.205.274		106.240.680		106.240.680	0
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 2), Hạng mục: Đường BTXM Xóm Bãi Pháo, Đồng Mè, Gò Gia, Gò Thang	2023	1.095.589.209	725.801.073		48.852.720		48.852.720	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 7), Hạng mục: Đường BTXM xóm Sơn Mè	2023	182.861.593	62.738.510		41.850.000		41.850.000	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 6), Hạng mục: Đường BTXM Gò Chòi	2023	642.784.235	220.534.735		146.289.000		146.289.000	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 5), Hạng mục: Đường BTXM Xóm Đồng Mè	2023	897.833.918	229.465.944		204.135.000		204.135.000	
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 4), Hạng mục: Đường BTXM xóm Bãi Pháo	2023	292.804.498	103.093.094		65.751.000		65.751.000	
Nâng cấp, mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (Đoạn từ ĐT 263B đến ngã tư đi trụ sở UBND xã Khôi Kỳ)	2023	5.000.000.000	0		148.580.000		148.580.000	



Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/2022	Giá trị đã thanh toán năm 2023			
		Tổng số	Tr.đó: Nguồn đóng góp		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
							Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Đường GTNT xã Khôi Kỳ năm 2023(gói 8), Hạng mục: Đường BTXM xóm Đức Long	2023	319.178.012	109.507.684		72.865.500		72.865.500	
Mở rộng tuyến đường trục xã Khôi Kỳ (Đoạn từ ngã tư UBND xã Khôi Kỳ đến ngã ba xóm Bãi Pháo xã Khôi Kỳ)	2023	6.750.000.000	0		214.280.000		214.280.000	



THỰC HIỆN THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC

Năm 2023

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
1. Hoạt động quỹ công chuyên dùng	141.409.000	136.329.220	5.079.780	141.409.000	136.329.220	5.079.780
- Quỹ đền ơn đáp nghĩa	15.800.000	17.910.000	(2.110.000)	15.800.000	17.910.000	(2.110.000)
- Quỹ bảo trợ trẻ em	33.810.000	33.915.500	(105.500)	33.810.000	33.915.500	(105.500)
- Quỹ vì người nghèo	15.210.000	6.760.500	8.449.500	15.210.000	6.760.500	8.449.500
- Quỹ khuyến học	16.310.000	23.910.070	(7.600.070)	16.310.000	23.910.070	(7.600.070)
- Quỹ nhân đạo	16.310.000	10.814.150	5.495.850	16.310.000	10.814.150	5.495.850
- Quỹ CS người cao tuổi	26.550.000	25.600.000	950.000	26.550.000	25.600.000	950.000
- Quỹ phòng chống thiên tai	17.419.000	17.419.000		17.419.000	17.419.000	

Số chênh lệch (-) do có số dư năm trước chuyển sang